

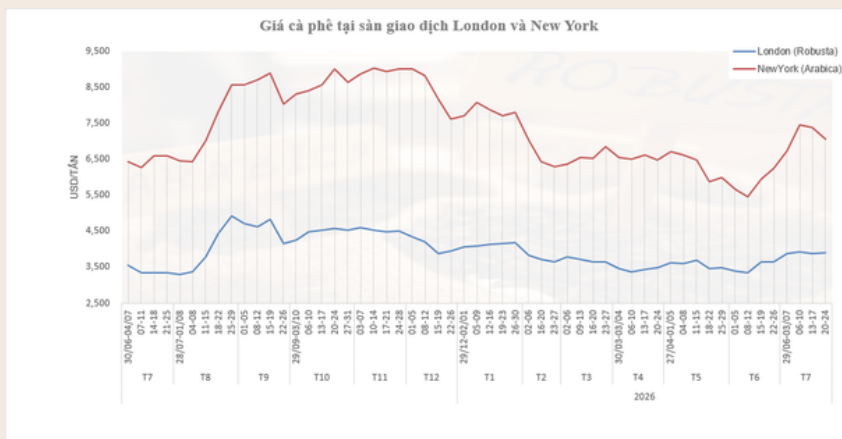
NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

www.thitruongnongsan.com.vn

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê giảm trên sàn giao dịch New York và tăng trên sàn giao dịch London trong tuần từ 20/07/2025 - 24/07/2026.
- Theo USDA, sản lượng cà phê toàn cầu niên vụ 2025/2026 đạt 178,80 triệu bao, tăng 1,14% so với niên vụ trước.
- Sản lượng cà phê Indonesia niên vụ 2026/2027 đạt khoảng 11,40 triệu bao, trong đó Robusta chiếm 85% và Arabica 15%.
- Kenya đã triển khai Chương trình Phục hồi Cà phê tại khu vực phía Bắc Thung lũng Rift nhằm nâng sản lượng cà phê từ 50.000 tấn lên hơn 150.000 tấn vào năm tài chính 2028/2029.
- Brazil được dự báo sản lượng cà phê niên vụ 2026/2027 đạt 66,7 triệu bao, tăng 18% so với niên vụ trước.

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Trong tuần 20/07/2026 đến 24/07/2026, giá cà phê thế giới biến động trên hai sàn giao dịch New York và London. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 07/2026 tại thị trường London bình quân đạt 3.909 USD/tấn, tăng 0,5% so với tuần trước và tăng 16,3% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.984 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.818 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 07/2026 bình quân đạt 7.060 USD/tấn, giảm 4,5% so với tuần trước, và tăng 7% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cao nhất trong tuần đạt 7.241 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 6.821 USD/tấn.[1]

DỰ BÁO SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ TOÀN CẦU

Theo dự báo của Cơ quan Dịch vụ Nông nghiệp Nước ngoài thuộc Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA/FAS), sản lượng cà phê toàn cầu niên vụ 2025/2026 được giữ nguyên ở mức 178,80 triệu bao, tăng 1,14% so với niên vụ trước. Trong khi đó, nhu cầu tiêu thụ cà phê được điều chỉnh tăng từ 2,41%, lên 173,46 triệu bao, qua đó tạo ra thặng dư nguồn cung khoảng 5,34 triệu bao. Tồn kho cuối niên vụ dự kiến đạt 24,37 triệu bao, cao hơn 10,72% so với năm trước. [2]

Đối với niên vụ 2026/2027, USDA dự báo sản lượng cà phê thế giới đạt 189,67 triệu bao, tăng 6,10%, chủ yếu nhờ sự phục hồi sản xuất cà phê Arabica tại Brazil. Sản lượng Brazil niên vụ 2026/2027 có thể đạt

71,90 triệu bao, tăng 14,13%, gồm 47,50 triệu bao Arabica, tăng 35%, và 24,40 triệu bao Conilon Robusta, giảm 2,40% so với niên vụ trước. Tại Việt Nam, điều kiện thời tiết thuận lợi được kỳ vọng hỗ trợ sản lượng đạt 32,50 triệu bao, tăng 2,52%, trong đó Robusta đạt 31,40 triệu bao và Arabica đạt 1,10 triệu bao. Lượng tồn kho chuyển tiếp ước tính khoảng 489 nghìn bao.[2]

Nhu cầu tiêu thụ cà phê toàn cầu niên vụ 2026/2027 được dự báo đạt 179,74 triệu bao, thấp hơn sản lượng 9,93 triệu bao. Mức thặng dư này có thể góp phần phục hồi tồn kho thương mại tại các nước sản xuất và thị trường tiêu dùng sau giai đoạn dự trữ suy giảm.[2]

INDONESIA

Niên vụ cà phê 2026/2027 của Indonesia, kéo dài từ tháng 4/2026 đến tháng 3/2027, đang trong giai đoạn thu hoạch mới. Sản lượng được dự báo ở mức khoảng 11,40 triệu bao, trong đó Robusta chiếm 85% và Arabica 15%. Nhu cầu tiêu thụ Robusta trong nước tiếp tục tăng, phản ánh sự mở rộng của ngành chế biến và tiêu dùng nội địa. Cạnh tranh thu mua vì vậy ngày càng mạnh, làm giảm dần tỷ trọng Robusta nhân xanh dành cho xuất khẩu, mặc dù Indonesia vẫn thuộc nhóm mười nước xuất khẩu Robusta lớn nhất thế giới.[3]

Theo ước tính của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, xuất khẩu cà phê Indonesia trong niên vụ 2026/2027 có thể đạt khoảng 7,0 triệu bao. Sản xuất Robusta của quốc gia này chủ yếu dựa vào các hộ nông dân quy mô nhỏ. Năng suất bình quân tại các vùng trồng Robusta trọng điểm phía Nam chỉ đạt khoảng 830 kg/h - thấp hơn đáng kể so với mức 2.900 kg/ha của Việt Nam.[3]



KENYA

Kenya đã triển khai Chương trình Phục hồi Cà phê tại khu vực phía Bắc Thung lũng Rift nhằm nâng sản lượng cà phê từ 50.000 tấn lên hơn 150.000 tấn vào năm tài chính 2028/2029. Chương trình tập trung tại các Quận: West Pokot, Nandi, Uasin Gishu và Elgeyo-Marakwet, đồng thời mở rộng canh tác sang các vùng sản xuất mới.[4]

Chính phủ Kenya huy động chính quyền địa phương, Liên hiệp Hợp tác xã Người trồng cà phê Kenya, Viện Nghiên cứu Cà phê và Sàn Giao dịch Cà phê Nairobi để phối hợp triển khai. Các ban chỉ đạo cấp hạt sẽ thống kê nông hộ, diện tích, giống, sản lượng và nhu cầu hỗ trợ. Ngân sách dành cho ngành cà phê tăng từ khoảng 3,86 triệu USD lên 7,72 triệu USD trong năm tài chính hiện tại.[4]

Chính phủ Kenya cũng đã giải ngân khoảng 30,89 triệu USD để xử lý các khoản nợ tồn đọng của hợp tác xã và đang đề nghị bổ sung khoảng 21,62 triệu USD. Chương trình đồng thời rút ngắn thời gian thanh toán xuống 5 ngày, thúc đẩy thanh toán trực tiếp, xây dựng nhà máy xay xát và hỗ trợ thiết bị sơ chế cà phê.[4]

BRAZIL

Brazil được dự báo đạt vụ cà phê lớn nhất lịch sử trong niên vụ 2026/27, với sản lượng 66,7 triệu bao loại 60 kg, tăng 18% so với niên vụ trước nhờ chu kỳ sinh trưởng thuận lợi và điều kiện thời tiết tích cực trong giai đoạn ra hoa. Tuy nhiên, đến giữa tháng 7/2026, tiến độ thu hoạch mới đạt khoảng 64%, thấp hơn mức 77% cùng kỳ năm trước và mức trung bình 70% của 5 năm, chủ yếu do mưa lớn trái mùa làm gián đoạn sản xuất và gia tăng rủi ro chất lượng.[5]

Minas Gerais dẫn đầu với 33,4 triệu bao, tăng 29,8%, trong khi Espírito Santo dự kiến đạt 18 triệu bao Conilon. São Paulo ghi nhận mức tăng mạnh 75,6%, lên 5,5 triệu bao. Tổng sản lượng Arabica được dự báo đạt 45,8 triệu bao, tăng 28%, còn Conilon đạt 20,9 triệu bao, tăng 0,8%. Mặc dù nguồn cung lớn có thể hỗ trợ phục hồi tồn kho toàn cầu, giá cà phê vẫn được duy trì do nông dân hạn chế bán ra, chờ diễn biến thị trường và rủi ro El Niño. Tiến độ thu hoạch chậm và biến động thời tiết tiếp tục là những yếu tố cần theo dõi.[5]

TẦM QUAN TRỌNG CỦA NĂNG LỰC THỂ CHẾ TRONG THỰC THI EUDR

Quy định chống mất rừng của Liên minh châu Âu (EUDR) đang chuyển cạnh tranh xuất khẩu cà phê từ giá, chất lượng sang năng lực chứng minh nguồn gốc, định vị địa lý và tuân thủ môi trường. So sánh giữa các quốc gia sản xuất/xuất khẩu cà phê lớn như Brazil và Colombia cho thấy thích ứng phụ thuộc vào năng lực thể chế.[6]

Tại Colombia, Liên đoàn Cà phê Quốc gia điều phối hệ thống thông tin, mở rộng tham chiếu địa lý và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân. Ngược lại, Brazil vận hành theo mô hình phân tán, gồm hợp tác xã, doanh nghiệp, hiệp hội và cơ quan công. Cấu trúc này tạo dư địa đổi mới, nhưng làm tăng chi phí phối hợp và tích hợp dữ liệu.[6]

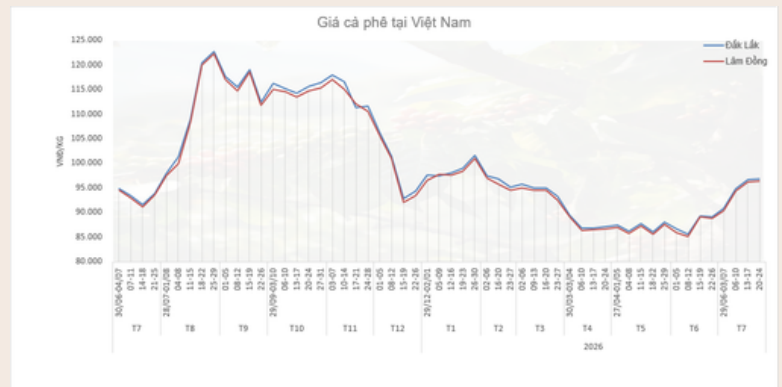
Ba chức năng thể chế then chốt đã được xác định: tạo niềm tin, điều phối thông tin và đáp ứng sự đa dạng của người sản xuất. Vì vậy, thực thi EUDR cần coi các tổ chức trung gian là hạ tầng triển khai, xây dựng dữ liệu dùng chung, giảm chi phí tuân thủ và thiết kế công cụ hỗ trợ phù hợp với từng nhóm nông hộ. [6]



ĐIỂM TIN

- Giá cà phê tại Lâm Đồng Đắc Lắc tăng so với tuần trước.
- Xuất khẩu cà phê Việt Nam được dự báo chậm lại trong ngắn hạn. Tháng 6/2026, Việt Nam xuất khẩu 126,4 nghìn tấn cà phê, trị giá 585,6 triệu USD.
- Ngày 24–26/7/2026, Thương vụ Việt Nam tại Chile tham dự Expo Café Chile 2026 tại Santiago nhằm quảng bá cà phê và nông sản Việt Nam.
- Gia Lai đã phê duyệt chủ trương đầu tư Viện Nghiên cứu và Phát triển Cà phê AI do Công ty TNHH Vĩnh Hiệp triển khai.
- Giống cà phê Robusta Thiên Phúc đang mở ra triển vọng nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng thích ứng khí hậu cho ngành cà phê Lâm Đồng.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



NGUỒN: CTV AGREINFOS

GIÁ CÀ PHÊ TRONG TUẦN

Trong tuần từ 20/07/2026 đến ngày 24/07/2026, giá cà phê tại các tỉnh Lâm Đồng và Đắk Lắk tăng so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 96.953 VNĐ/kg, tăng 0,2% so với tuần trước, và tăng 5,9% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 98.933 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 94.533 VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 96.400 VNĐ/kg, tăng 0,1% so với tuần trước, và tăng 5,7% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 98.000 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 94.200 VNĐ/kg. [1]

DỰ BÁO XUẤT KHẨU CÀ PHÊ VIỆT NAM CHẬM LẠI

Xuất khẩu cà phê Việt Nam được dự báo chậm lại trong ngắn hạn do nguồn cung trong nước suy giảm và áp lực cạnh tranh quốc tế gia tăng. Tháng 6/2026, Việt Nam xuất khẩu 126,4 nghìn tấn cà phê, trị giá 585,6 triệu USD, tăng 4% về lượng nhưng giảm 15,8% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 6 tháng, xuất khẩu đạt 1,05 triệu tấn, tương đương 4,81 tỷ USD, tăng 7,4% về lượng nhưng giảm 13,8% về kim ngạch do giá xuất khẩu giảm.[2]

Doanh nghiệp tiếp tục chịu áp lực từ chi phí thu mua, tài chính và tồn kho, trong khi nguồn cung từ Brazil và Indonesia có xu hướng cải thiện. Châu Âu vẫn là thị trường trọng điểm, song nhu cầu phục hồi không đồng đều và tồn kho cao tại một số quốc gia làm hạn chế nhập khẩu. Ngược lại, thị trường châu Á, đặc biệt là Đông Bắc Á, cho thấy triển vọng tích cực nhờ nhu cầu tiêu dùng và công nghiệp chế biến tăng.[2]

Đầu tháng 7/2026, giá cà phê trong nước tăng lên 97.900–98.400 đồng/kg do nguồn cung hạn chế và nhu cầu thực hiện hợp đồng xuất khẩu.[2]

CÀ PHÊ VIỆT NAM TẠI CHILE

Từ ngày 24–26/7/2026, Thương vụ Việt Nam tại Chile tham dự Expo Café Chile 2026 tại Santiago nhằm quảng bá cà phê và nông sản Việt Nam. Hội chợ quy tụ gần 180 đơn vị triển lãm và khoảng 30.000 lượt khách. Gian hàng Việt Nam với chủ đề “Việt Nam – Cội nguồn của cà phê” giới thiệu các sản phẩm chủ lực như Robusta, Arabica, cà phê rang xay, hòa tan, đặc sản, viên nén, túi lọc và dụng cụ pha phin truyền thống. Hơn 20 doanh nghiệp Việt Nam tham gia trưng bày hàng trăm sản phẩm từ các vùng nguyên liệu lớn, đồng thời giới thiệu hạt điều, ca cao, gia vị, trái cây sấy và gạo. Ngay trong ngày khai mạc, gian hàng đón gần 1.000 lượt khách, làm việc với 21 doanh nghiệp Chile và Colombia, đồng thời hỗ trợ hơn 10 cuộc kết nối trực tuyến. Nhiều đối tác đánh giá cao chất lượng, giá cạnh tranh và khả năng cung ứng của cà phê Việt Nam. Hoạt động này góp phần mở rộng mạng lưới đối tác, khai thác VCFTA và CPTPP, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và củng cố thương hiệu cà phê Việt Nam tại Mỹ Latinh.[3]

GIA LAI XÂY DỰNG VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CÀ PHÊ AI

Gia Lai đã phê duyệt chủ trương đầu tư Viện Nghiên cứu và Phát triển Cà phê AI do Công ty TNHH Vĩnh Hiệp triển khai, với tổng vốn 326 tỉ đồng và mục tiêu vận hành từ quý IV/2028. Dự án tập trung nghiên cứu, chọn tạo giống cà phê chất lượng cao, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý dữ liệu vùng trồng, dự báo sâu bệnh và giám sát canh tác. Mỗi năm, viện dự kiến khảo nghiệm 50–100 dòng hoặc giống, cung ứng 1–5 triệu cây giống và phân tích 20.000–40.000 mẫu đất, nước, lá, hạt, vi sinh và chất lượng sản phẩm. Hoạt động nghiên cứu gồm thử nghiệm chế biến ướt, chế biến khô với quy mô 300–500 tấn mỗi năm và phát triển sản phẩm rang xay mẫu. Dự án gắn với xây dựng dữ liệu truy xuất nguồn gốc, giảm phát thải carbon và nông nghiệp tái sinh nhằm đáp ứng EUDR. Với gần 270 ha vùng nguyên liệu thử nghiệm, Vĩnh Hiệp kỳ vọng đưa Gia Lai trở thành trung tâm cà phê chất lượng cao và phát triển chuỗi cung ứng bền vững.[4]

LÂM ĐỒNG PHÁT TRIỂN GIỐNG CÀ PHÊ ROBUSTA MỚI

Giống cà phê Robusta Thiên Phúc đang mở ra triển vọng nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng thích ứng khí hậu cho ngành cà phê Lâm Đồng. Giống được tuyển chọn từ một cây đột biến tại xã Bảo Lâm 1, có đặc tính sinh trưởng khỏe, năng suất cao, chống chịu sâu bệnh khá và hạn chế rụng quả trong điều kiện mưa lớn, gió mạnh. Sau hơn 12 năm nghiên cứu, nhân giống và khảo nghiệm, giống được công nhận lưu hành vào tháng 4/2026. Kết quả sản xuất cho thấy năng suất có thể đạt 8–9 tấn cà phê nhân/ha, cao hơn mức phổ biến hiện nay. Đặc tính chín muộn vào khoảng tháng 1 giúp giảm áp lực thu hoạch, thuận lợi cho phơi sấy và nâng cao chất lượng hạt. Một số sản phẩm chế biến từ giống này đạt 83,22–85 điểm theo thang CQI (thang điểm đánh giá chất lượng cà phê), cho thấy tiềm năng phát triển cà phê đặc sản. Đến nay, hơn 10.000 cây giống đã được cung ứng, với khoảng 15 ha được trồng tại Bảo Lâm. Tuy nhiên, cần tiếp tục đánh giá tính ổn định, hiệu quả kinh tế và khả năng nhân rộng.[5]

GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	97.500	98.000	96.400	95.900	94.200	96.400	100
Dì Linh	97.500	98.000	96.400	95.900	94.200	96.400	100
Lâm Hà	97.500	98.000	96.400	95.900	94.200	96.400	100
Bảo Lộc	97.500	98.000	96.400	95.900	94.200	96.400	100
ĐẮK LẮK	98.433	98.433	96.533	96.333	94.533	96.853	120
Cư M'gar	98.500	98.500	96.600	96.400	94.600	96.920	120
Ea H'leo	98.400	98.400	96.500	96.300	94.500	96.820	120
Buôn Hồ	98.400	98.400	96.500	96.300	94.500	96.820	120
GIA LAI	97.933	98.433	96.733	96.333	94.533	96.793	93
Chư Prông	98.000	98.500	96.800	96.400	94.600	96.860	160
Pleiku	97.900	98.400	96.700	96.300	94.500	96.760	60
La Grai	97.900	98.400	96.700	96.300	94.500	96.760	60
Quảng Ngãi	97.900	98.400	96.700	96.300	94.500	96.760	60
Kon Tum	97.900	98.400	96.700	96.300	94.500	96.760	60

Nguồn: CTV Agreinfos, Giacaphe.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- [1]: <https://www.investing.com>
- [2]: <https://www.iandmsmith.com>
- [3]: <https://www.iandmsmith.com>
- [4]: <https://www.foodbusinessmea.com>
- [5]: <https://coffeegeography.com>
- [6]: <https://dailycoffeenews.com>

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- [1]: Cộng tác viên của Agreinfos
- [2]: <https://nongnghiepmoitruong.vn>
- [3]: <https://moit.gov.vn>
- [4]: <https://tuoitre.vn>
- [5]: <https://thuonghieucongluan.com.vn>



Hệ thống thông tin thị trường cho một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả